





Danh mục Kiểm tra Tổng quan COVID-19 Cal/OSHA đối với Khai thác Mỏ và Đốn gỗ

Ngày 2 tháng 7 năm 2020

Danh sách kiểm tra này nhằm mục đích giúp công ty khai thác mỏ và đốn gỗ thực hiện kế hoạch của họ để ngăn chặn sự lây lan của COVID-19 tại nơi làm việc và bổ sung cho Hướng dẫn Dành cho Công ty Khai thác Mỏ và Đốn gỗ. Danh sách kiểm tra này là tóm tắt và hàm chứa một số phần của hướng dẫn; hãy làm quen với hướng dẫn trước khi sử dung danh sách kiểm tra này.



Nôi dung Văn bản Kế hoach Cu thể tai Nơi làm

| Vi | ệc |
|----|---|
| | Người chịu trách nhiệm thực hiện chương trình. |
| | Đánh giá rủi ro và các biện pháp sẽ được thực hiện để ngăn ngừa lây lan vi-rút. |

- Dào tao và trao đổi thông tin với nhân viên và đai diên nhân viên trong chương trình.
- ☐ Môt quy trình kiểm tra tuân thủ và ghi chép và sữa chữa những thiếu sót.
- Một quy trình để điều tra các trường hợp COVID, cảnh báo cho sở y tế địa phương và xác định và cách ly các liên hệ gần nơi làm việc và nhân viên bị nhiễm bệnh.
- Thủ tục cho nơi làm việc có đợt bùng phát, theo đúng Hướng dẫn của CDPH.
- Cập nhật kế hoạch nếu cần thiết để ngăn ngừa thêm các ca bệnh khác.



Các Chủ đề Đào tạo Nhân viên

☐ Sử dung khẩu trang, theo đúng Hướng dẫn của CDPH.

| | Thông tin về | COVID-19, | ngăn ngừ | ra lây | / truyền, | và những | người | đặc biệt | dễ bị lây | [,] nhiễm. |
|--|--------------|-----------|----------|--------|-----------|----------|-------|----------|-----------|---------------------|
|--|--------------|-----------|----------|--------|-----------|----------|-------|----------|-----------|---------------------|

- Tư khám sàng loc tại nhà, bao gồm đo nhiệt đô và/hoặc kiểm tra triệu chứng bằng cách sử dụng Hướng dẫn CDC.
- Quan trọng là không đến làm việc nếu công nhân bị ho, sốt, khó thở, ớn lạnh, đau cơ, đau đầu, đau họng, mất vị giác hoặc mùi gần đây, nghẹt mũi hoặc chảy nước mũi, buồn nôn hoặc nôn, hoặc tiêu chảy, hoặc nếu họ hoặc ai đó mà họ đã tiếp xúc đã được chẩn đoán mắc COVID-19.
- ☐ Trở lai làm việc sau chấn đoán COVID-19 sau 10 ngày kể từ khi khởi phát triệu chứng và 72 giờ không sốt.
- Khi nào cần tìm đến sự chăm sóc y tế.
- □ Tầm quan trong của việc rửa tay.
- Tầm quan trọng của việc giữ khoảng cách vật lý, cả lúc làm việc và không làm việc.
- ☐ Sử dụng đúng khẩu trang bằng vải, bao gồm thông tin trong <u>Hướng dẫn CDPH</u>.

| | | Thông tin về quyền lợi nghỉ phép có trả lương, bao gồm Đao luật Gia đình Trên hết Trong <u>Ứng phó với Coronavirus</u> và quyền lợi lương bổng cho người lao động theo <u>Sắc lệnh số</u> <u>N-62-20</u> của Thống đốc trong khi Sắc lệnh đó có hiệu lực. |
|-------|---|---|
| | | Đào tạo mọi nhà thầu độc lập, nhân viên tạm thời hoặc hợp đồng hoặc tình nguyện viên về các chính sách này và đảm bảo họ có PPE cần thiết. |
| | В | iện pháp Kiểm soát Cá nhân & Sàng lọc |
| | | Khám sàng lọc triệu chứng và/hoặc kiểm tra nhiệt độ. |
| | | Khuyến khích nhân viên bị ốm hoặc có biểu hiện các triệu chứng của COVID-19 ở nhà. |
| | | Cung cấp và đảm bảo nhân viên sử dụng tất cả PPE cần thiết. |
| | | Khuyến khích rửa tay thường xuyên và sử dụng thuốc sát trùng tay. |
| | | Cung cấp và đảm bảo các nhân viên sử dụng mặt nạ phòng độc để bảo vệ khỏi các chất gây ô nhiễm không khí như silic dioxit và amiăng. |
| | | Cung cấp găng tay dùng một lần cho nhân viên, dùng chất tẩy rửa và chất khử trùng nếu cần. Cân nhắc việc cấp găng tay như là biện pháp phòng ngừa bổ sung ngoài việc rửa tay thường xuyên cho những người làm các công việc làm sạch khác như: làm sạch các vật phẩm thường xuyên được chạm hoặc sàng lọc triệu chứng. |
| ALL P | Q | uy trình vệ sinh và khử trùng |
| + | | Làm sạch kỹ lưỡng ở khu vực có lưu độ giao thông cao. |
| | | Thường xuyên khử trùng các bề mặt thường được sử dụng. |
| | | Tránh dùng chung điện thoại, bộ đàm hai chiều, cùng các công cụ và thiết bị công việc khác. |
| | | Làm sạch các bề mặt có thể chạm giữa các ca làm việc hoặc giữa người dùng, tùy theo thuộc vào cách thức sử dụng thường xuyên hơn. |
| | | Hãy đảm bảo rằng các cơ sở vệ sinh luôn vệ sinh và luôn có dự liệu. |
| | | Chất sát trùng tay và các vật dụng vệ sinh khác phải sẵn có và dễ tiếp cận để sử dụng. |
| | | Cung cấp thời gian cho nhân viên thực hiện các thực hành vệ sinh. |
| | | Sử dụng các sản phẩm được phê duyệt sử dụng chống COVID-19 trong danh sách được phê duyệt bởi <u>Cơ quan Bảo vệ Môi trường (Environmental Protection Agency, EPA)</u> và đào tạo nhân viên về các mối nguy hiểm hóa học, hướng dẫn sử dụng sản phẩm, yêu cầu thông gió và các yêu cầu Cal/OSHA. Tuân theo <u>các phương pháp vê sinh hen suyễn an toàn hơn của CDPH</u> . |
| | | Cân nhắc nâng cấp để cải thiện lọc gió và thông gió. |



Hướng dẫn về Giữ khoảng cách vật lý

| Đảm bảo khoảng cách vật lý ít nhất sáu feet giữa các nhân viên. |
|---|
| Điều chỉnh các cuộc họp trực tiếp nếu cần thiết, để đảm bảo giữ khoảng cách vật lý. |
| Giới hạn số lượng nhân viên tại cơ sở làm việc để đảm bảo khoảng cách ít nhất sáu feet |
| Xen kẽ giờ nghỉ của nhân viên, tuân thủ quy định về lương và giờ làm việc, để duy trì các quy định về khoảng cách vật lý. |
| Luân phiên các nhóm đi đến các cơ sở làm việc và giảm số lượng nhân viên được vận chuyển mỗi lần để duy trì khoảng cách vật lý. |
| Sắp xếp lại, hạn chế hoặc đóng cửa các khu vực nghỉ ngơi và thiết lập các không gian thay thế mà có thể đảm bảo khoảng cách vật lý. |
| Tránh tập trung trong bữa trưa và các giờ nghỉ khác trước hoặc sau khi làm việc. |
| |



